

Số: 108/NQ-HĐND

Mộc Châu, ngày 12 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt phương án điều chỉnh và phân bổ
kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU
KHOÁ XXI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy
định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-
TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh
về ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2023;
Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế
hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện
Mộc Châu về kế hoạch vốn đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023; Căn
cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND huyện Mộc Châu về
kế hoạch vốn đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 2); Nghị quyết
số 103/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của HĐND huyện Mộc Châu về phê duyệt
phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 3);

Căn cứ Công văn số 1005/UBND-TH ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh về
việc rà soát, hoàn thiện phương án phân bổ, giao kế hoạch đầu tư các nguồn
vốn ngân sách cấp huyện năm 2023; Công văn số 393/SKHĐT-THQH ngày
16/3/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu
tư công năm 2023 của huyện Mộc Châu;

Căn cứ Công văn số 1138/STC-QLNS ngày 06/4/2023 của Sở Tài Chính về kinh phí thực hiện các CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023;

Thực hiện Thông báo số 40/TB-TTHĐND ngày 06/4/2023 của Thường trực HĐND huyện về Kết quả Hội nghị trao đổi thống nhất về nội dung, thời gian tổ chức Kỳ họp thứ chín HĐND huyện khoá XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Thông báo số 1024-TB/HU ngày 07/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mộc Châu về chủ trương về phương án điều chỉnh và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 4),

Xét Tờ trình số 1254/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND huyện về phương án điều chỉnh và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 4); Báo cáo thẩm tra số 04/BC-BKTXH ngày 11/4/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 4), với các nội dung như sau:

I. TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT (tính đến ngày 30/3/2023):

Tổng số vốn năm 2023 thuộc ngân sách huyện quản lý (đến 30/3/2023) là 217.674 triệu đồng, bao gồm:

1. Số vốn đã phân bổ chi tiết là: 169.414 triệu đồng, trong đó:

- Vốn bổ sung cân đối được phân cấp 15.410 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 104.700 triệu đồng.
- Nguồn vốn NSTW thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 21.779 triệu đồng.
- Nguồn vốn NSTW Chương trình MTQG XD nông thôn mới: 20.525 triệu đồng.
- Kinh phí nâng cấp đô thị: 7.000 triệu đồng.

2. Số vốn chưa phân bổ chi tiết là: 48.260 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 37.000 triệu đồng (bao gồm 3.000 triệu đồng vốn đối ứng cho các dự án thực hiện CTMTQG phân bổ tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 chưa phân bổ chi tiết).

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 3.010 triệu đồng.

- Nguồn vốn NSTW thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.325 triệu đồng 

(bao gồm: **1.918** triệu đồng vốn thực hiện dự án 1; **1.005** triệu đồng vốn thực hiện dự án 4; **1.402** triệu đồng thực hiện dự án 5).

- Nguồn vốn NSTW Chương trình MTQG XD nông thôn mới: **925** triệu đồng.
- Kinh phí nâng cấp đô thị: **3.000** triệu đồng.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỐ PHÂN BỐ ĐỢT NÀY

1. Điều chỉnh vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới

Tổng số tiền điều chỉnh là **10.700** triệu đồng, trong đó: Vốn chuyển nguồn từ năm 2022 sang năm 2023 (vốn NSTW năm 2022) là **675** triệu đồng; vốn năm 2023 là **10.025** triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm của **12** dự án trên địa bàn thuộc các xã ĐBK: Tà Lại, Tân Hợp, Chiềng Khừa với số tiền là **10.700** triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng cho **30** dự án với số tiền là **10.700** triệu đồng, bao gồm
 - + Điều chỉnh tăng cho **01** dự án chuyển tiếp sang năm 2023 số tiền là **675** triệu đồng.
 - + Điều chỉnh tăng cho **15** dự án khởi công mới đợt 1 năm 2023 số tiền là **6.400** triệu đồng.
 - + Điều chỉnh tăng cho **14** dự án khởi công mới đợt này số tiền là **3.625** triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)

2. Phương án phân bổ đợt này

2.1. Tổng nguồn vốn phân bổ đợt này là **15.142** triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG PTKTXH vùng đồng bào DTTS&MN: **2.407** triệu đồng.
- Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới **3.935** triệu đồng, trong đó: vốn NSTW chưa phân bổ chi tiết **925** triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình **3.010** triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: **8.800** triệu đồng (bao gồm **3.000** triệu đồng vốn đối ứng cho các dự án thực hiện CTMTQG phân bổ tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 chưa phân bổ chi tiết).

2.2. Phương án phân bổ cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG PTKTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 4.325 triệu đồng, bao gồm:

- Số tiền phân bổ chi tiết đợt này là **2.407** triệu đồng, trong đó:
 - + Thực hiện Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: Phân bổ vốn khởi công mới cho dự án Điện nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu với số tiền **1.005** triệu đồng.

+ Thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Phân bổ vốn khởi công mới cho dự án *Nâng cấp Trường PTDT BT TH&THCS xã Chiềng Khừa* với số tiền **1.402** triệu đồng.

- Số còn lại chưa phân bổ chi tiết là **1.918** triệu đồng (*thực hiện nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất sau khi tình có hướng dẫn về định mức hỗ trợ*).

(Biểu chi tiết số 02 kèm theo)

b) Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiền phân bổ là **3.935** triệu đồng, trong đó: vốn NSTW chưa phân bổ chi tiết **925** triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình **3.010** triệu đồng, cụ thể:

- Phân bổ cho **05** dự án khởi công từ đầu năm số tiền là **3.185** triệu đồng (vốn NSTW chưa phân bổ chi tiết **925** triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình **2.260** triệu đồng).

- Phân bổ cho **02** dự án khởi công mới đợt này số tiền là **750** triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 03 kèm theo)

c) Nguồn thu tiền sử dụng đất

Số tiền phân bổ chi tiết đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG là **8.800** triệu đồng (*bao gồm 3.000 triệu đồng vốn đối ứng cho các dự án thực hiện CTMTQG phân bổ tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 chưa phân bổ chi tiết*), trong đó:

- Phân bổ chi tiết cho **07** dự án chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện với số tiền là **4.050** triệu đồng.

- Phân bổ cho **04** dự án khởi công từ đầu năm số tiền là **4.750** triệu đồng.

Số còn lại chưa phân bổ chi tiết là **28.200** triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 04 kèm theo)

III. KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ ĐỢT NÀY

Tổng số vốn năm 2023 sau điều chỉnh, phân bổ đợt này là **217.674** triệu đồng, bao gồm:

1. Số vốn đã phân bổ chi tiết là: 184.556 triệu đồng, trong đó:

- Vốn bổ sung cân đối được phân cấp **15.410** triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: **113.500** triệu đồng.

- Nguồn vốn NSTW thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **24.186** triệu đồng.

- Nguồn vốn NSTW Chương trình MTQG XD nông thôn mới: **21.450** triệu đồng. *ph*

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là **3.010** triệu đồng.

- Kinh phí nâng cấp đô thị: **7.000** triệu đồng.

2. Số vốn chưa phân bổ chi tiết là: 33.118 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: **28.200** triệu đồng.

- Nguồn vốn NSTW thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **1.918** triệu đồng.

- Kinh phí nâng cấp đô thị: **3.000** triệu đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày HĐND huyện khoá XXI thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

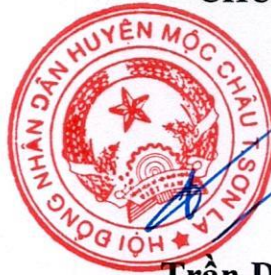
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện Mộc Châu khoá XXI, Kỳ họp chuyên đề thứ chín thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT HĐND - UBND tỉnh (B/c);
- Ban: KTNS, Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở: KHĐT, TC, TP;
- Trung tâm Công báo Sơn La;
- TT HU- HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- HĐND - UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH 100 bản.

CHỦ TỊCH



Trần Dân Khôi

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH VỐN NSTW
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của HĐND huyện Mộc Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KHV đã giao					Phương án điều chỉnh vốn				Lũy kế vốn sau điều chỉnh					Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Vốn NSTW			NS tỉnh	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng số	NSTW		NS tỉnh	Dân góp		
							Chương trình MTQG XD NTM									PTKTXH VDB DTTS&MN					
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2022	năm 2023	Năm 2022	năm 2023			NTM				PTKTXH VDB DTTS& MN
1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG				94.644	41.324	9.244	3.875	19.495	7.400	1.310	675	10.025	675	10.025	45.132	32.614	7.400	1.310	3.808	
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM				49.360	30.054	9.244	2.275	10.325	7.400	810	675	10.025	-	-	20.154	11.144	7.400	810	800	
*	Dự án chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện				30.600	22.004	9.244	2.275	5.575	4.100	810	675	5.275	-	-	16.854	11.144	4.100	810	800	
1	Đường giao thông từ bản Nà Sánh đến bản Sao Tủa xã Tân Hợp	Tân Hợp	Ban QLDA ĐTXD	1381 31/8/2022	10.000	8.410	2.294	675	2.031	3.100	310	675	2.031			5.804	2.294	3.100	310	100	
2	Nhà văn hóa xã Tân Hợp	Tân Hợp	Ban QLDA ĐTXD	1383 31/8/2022	2.600	1.744	1.500		244				244			1.556	1.500	-	-	56	
3	Nhà văn hóa bản Nà Mường, xã Tân Hợp	Tân Hợp	Ban QLDA ĐTXD	1370 31/8/2022	1.500	1.050	800		250				250			950	800	-	-	150	
4	Nhà hiệu bộ trưởng PTDT BT TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	Ban QLDA ĐTXD	1205 26/4/2018	1.500	1.500	950		550				550			980	950	-	-	30	
5	Đường giao thông liên bản Thảng 5 - Nong Cụt, xã Tả Lại	Tả Lại	Ban QLDA ĐTXD	1371 31/8/2022	2.000	1.400	400		500	500			500			930	400	500	-	30	
6	Đường giao thông nội bản TĐC Suối Tồn, xã Tả Lại	Tả Lại	Ban QLDA ĐTXD	1384 31/8/2022	3.000	1.700	1.600		100				100			1.634	1.600	-	-	34	
7	Đường giao thông bản Phách - Bản Trọng, xã Chiềng Khừa	Chiềng khừa	Ban QLDA ĐTXD	1380 31/8/2022	6.000	2.600	1.700		400	500			400			2.250	1.700	500	-	50	
8	Đường giao thông nội đồng bản Suối Thín, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	1389 31/8/2022	4.000	3.600		1.600	1.500		500		1.200			2.750	1.900	-	500	350	
*	Khởi công mới năm 2023				18.760	8.050	-	-	4.750	3.300	-	-	4.750	-	-	3.300	-	3.300	-		
1	Đường giao thông liên bản Ông Lý-Xa Lú, xã Chiềng Khừa	Chiềng khừa	Ban QLDA ĐTXD	2005 15/12/2022	5.500	2.650			1.450	1.200			1.450			1.270	-	1.200	-	70	
2	Đường giao thông từ bản Nà Can, xã Tả Lại - bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	Tả Lại	Ban QLDA ĐTXD	2004 15/12/2022	10.660	4.750			2.650	2.100			2.650			2.150	-	2.100	-	50	HN

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KHV đã giao					Phương án điều chỉnh vốn				Lũy kế vốn sau điều chỉnh					Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Vốn NSTW			NS tỉnh	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng số	NSTW		NS tỉnh	Dân góp		
							Chương trình MTQG XD NTM				PTKTXH VDB DTTS&MN	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		NTM	PTKTXH VDB DTTS& MN				
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			Năm 2022	năm 2023	Năm 2022							năm 2023
3	Làm đường giao thông nông thôn nội bản Cang, xã Chiềng Khừa	Chiềng Khừa	UBND xã	2141 28/12/2022	500	150			150			150			10	-	-	-	10		
4	Nhà văn hóa bản Sao Tua, xã Tân Hợp	Tân Hợp	Ban QLDA ĐTXD	2119 28/12/2022	2.100	500			500			500			60	-	-	-	60		
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG				45.284	11.270	-	1.600	9.170	-	500	-	-	675	10.025	24.978	21.470	-	500	3.008	
*	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện				4.000	2.400	-	1.600	300	-	500	-	-	675	-	3.425	2.575	-	500	350	
1	Đường giao thông nội đồng bản Suối Thín, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	1389 31/8/2022	4.000	2.400		1.600	300	500			675		3.425	2.575	-	500	350		
*	Khởi công mới năm 2023				41.284	8.870	-	-	8.870	-	-	-	-	-	10.025	21.553	18.895	-	-	2.658	-
*	Đã phân bổ khởi công đầu năm				33.727	8.870	-	-	8.870	-	-	-	-	-	6.400	17.346	15.270	-	-	2.076	-
1	Đường giao thông từ trung tâm bản Tong Hân đến cụm dân cư Tong Kiêng, xã Chiềng Hắc	Chiềng Hắc	Ban QLDA ĐTXD	2126 28/12/2022	4.025	1.100			1.100					700	2.075	1.800	-	-	275		
2	Tuyến đường liên xã Tà Lại - Tân Lập (từ trung tâm xã Tà Lại qua bản Nong Cút, xã Tà Lại đến bản Dơi, xã Tân Lập)	Tân Lập, Tà Lại	Ban QLDA ĐTXD	2118 28/12/2022	7.500	1.875			1.875					1.000	2.960	2.875	-	-	85	đoạn tuyến trên địa bàn xã Tân Lập 1,5km; trên địa bàn xã Tà lại 0,5km	
3	Nhà văn hóa xã Quy Hưởng	Quy Hưởng	Ban QLDA ĐTXD	2133 28/12/2022	2.820	800			800					500	1.390	1.300	-	-	90		
4	Cầu dân sinh bản Lùn, xã Mường Sang	Mường Sang	Ban QLDA ĐTXD	2138 28/12/2022	2.300	500			500					500	1.250	1.000	-	-	250		
5	Nhà văn hóa tiểu khu 3/2, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	2124 28/12/2022	1.710	500			500					350	1.000	850	-	-	150		
6	Nhà văn hóa Bản Nà, xã Tân Lập	Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD	2127 28/12/2022	1.840	500			500					350	1.000	850	-	-	150		
7	Nhà văn hóa bản Suối giảng 1, xã Quy Hưởng	Quy Hưởng	Ban QLDA ĐTXD	2134 28/12/2022	1.900	500			500					350	930	850	-	-	80		
8	Xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn xã Phiêng Luông, hạng mục: rãnh thoát nước các khu xóm trên địa bàn xã Phiêng Luông	Phiêng Luông	Ban QLDA ĐTXD	2139 28/12/2022	900	225			225					200	515	425	-	-	90		

TT		Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KHV đã giao					Phương án điều chỉnh vốn				Lũy kế vốn sau điều chỉnh					Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Vốn NSTW			NS tỉnh	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng số	NSTW		NS tỉnh	Dân góp	
							Chương trình MTQG XD NTM									PTKTXH VDB DTTS&MN	NTM			
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2022	năm 2023	Năm 2022	năm 2023						
9	Đường giao thông đến bản Buộc Quang, xã Lóng Sập	Lóng Sập	Ban QLDA ĐTXD	2120 28/12/2022	2.000	500			500					350	950	850	-	-	100	
10	Cầu qua suối vào khu sản xuất bản A Má 1, xã Lóng Sập	Lóng Sập	Ban QLDA ĐTXD	2121 28/12/2022	880	250			250					250	580	500	-	-	80	
11	Cầu qua suối vào khu sản xuất tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	1652 19/10/2022	736	250			250					150	480	400	-	-	80	
12	Cầu qua suối vào khu sản xuất bản Dân Quân, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	2122 28/12/2022	816	250			250					200	466	450	-	-	16	
13	Cầu treo bản Nà Mường, xã Nà Mường	Nà Mường	Ban QLDA ĐTXD	2132 28/12/2022	2.500	670			670					550	1.470	1.220	-	-	250	
14	Đường giao thông đến bản Cóc, xã Đông Sang	Đông Sang	Ban QLDA ĐTXD	2135 28/12/2022	1.800	450			450					450	1.080	900	-	-	180	
15	Cầu bê tông bản Áng, xã Đông Sang	Đông Sang	Ban QLDA ĐTXD	2136 28/12/2022	2.000	500			500					500	1.200	1.000	-	-	200	
*	Khởi công mới đợt này				7.557	-	-	-	-	-	-	-	-	3.625	4.207	3.625	-	-	582	-
1	Nhà văn hóa tiểu khu 30/4, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	2130 28/12/2022	2.000	-								800	950	800	-	-	150	
2	Nhà văn hóa bản Bó Hiềng, xã Hua Páng	Hua Páng	Ban QLDA ĐTXD	2125 28/12/2022	2.100	-								800	950	800	-	-	150	
3	Cầu qua suối vào khu sản xuất bản Pha Luông, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	2123 28/12/2022	735									375	455	375			80	
4	Sửa chữa Nhà văn hóa bản Mường Bó, xã Lóng Sập	Lóng Sập	UBND xã	91 31/3/2023 (UBND xã)	242									150	162	150	-	-	12	
5	Sửa chữa Nhà văn hóa bản A Má 1, xã Lóng Sập	Lóng Sập	UBND xã	92 31/3/2023 (UBND xã)	242									150	162	150	-	-	12	
6	Sửa chữa Nhà văn hóa bản A Má 2, xã Lóng Sập	Lóng Sập	UBND xã	93 31/3/2023 (UBND xã)	242									150	162	150	-	-	12	
7	Sửa chữa Nhà văn hóa bản Bó Sập, xã Lóng Sập	Lóng Sập	UBND xã	94 31/3/2023 (UBND xã)	242									150	162	150	-	-	12	
8	Sửa chữa Nhà văn hóa bản Co Phương, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	UBND xã	69 03/4/2023 (UBND xã)	250									150	175	150	-	-	25	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KHV đã giao					Phương án điều chỉnh vốn				Lũy kế vốn sau điều chỉnh					Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số	Vốn NSTW			NS tỉnh	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng số	NSTW		NS tỉnh	Dân góp	
							Chương trình MTQG XD NTM									PTKTXH VDB DTTS&MN	NTM			
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2022	năm 2023	Năm 2022	năm 2023						
9	Sửa chữa Nhà văn hóa bán Suối Ngõa, xã Hua Păng	Hua Păng	UBND xã	30 31/3/2023 (UBND xã)	260									150	160	150	-	-	10	
10	Sửa chữa Nhà văn hóa bán Thống Nhất, xã Nà Mường	Nà Mường	UBND xã	20 31/3/2023 (UBND xã)	250									150	175	150	-	-	25	
11	Sửa chữa Nhà văn hóa bán Suối Khua, xã Nà Mường	Nà Mường	UBND xã	21 31/3/2023 (UBND xã)	250									150	175	150	-	-	25	
12	Sửa chữa Nhà văn hóa bán Sầm Nặm xã Nà Mường	Nà Mường	UBND xã	22 31/3/2023 (UBND xã)	250									150	175	150	-	-	25	
13	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa Pa Hóc	Phiêng Luông	UBND xã	83 31/3/2023 (UBND xã)	247									150	172	150	-	-	22	
14	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa Phiêng Tiến	Phiêng Luông	UBND xã	84 31/3/2023 (UBND xã)	247									150	172	150	-	-	22	



CHỦ TỊCH

Trần Dân Khôi

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ
NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PTKTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023 (đợt 4)
(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của HĐND huyện Mộc Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KHV đã phân bổ năm 2022	KHV phân bổ đợt này (2023)	Lũy kế vốn sau phân bổ	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ						18.290,0	-	2.407,0	-	
I	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc						12.290,0		1.005,0		
	Dự án điện nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu	huyện Mộc Châu	Hệ thống điện an toàn trên địa bàn các xã Nà Mường, Tả Lại, Tân Hợp, Chiềng Sơn; Mường Sang; Tân Lập	2023 - 2025	UBND huyện Mộc Châu	497 29/3/2023	12.290,0		1.005,0		
II	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						6.000,0		1.402,0		
	Nâng cấp Trường PTDT BT TH&THCS xã Chiềng Khừa	Chiềng Khừa	Nhà 2 tầng, Nhà bán trú 1 tầng, nhà bếp ăn	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	526 04/4/2023	6.000,0		1.402,0		ffu



CHỦ TỊCH

Trần Dân Khôi

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT (NSTW VÀ NS TỈNH)

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của HĐND huyện Mộc Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KHV đã giao			Phân bổ đợt này			Lũy kế vốn sau phân bổ				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng cộng	NSTW	Dân góp	Tổng cộng	NSTW	NS tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS tỉnh	Dân góp	
1	2	3	4	5	6	7		8		9	10	11	12	13	14		15
	TỔNG CỘNG					22.745,0	10.775,0	9.575,0	1.200,0	3.935,0	925,0	3.010,0	14.710,0	10.500,0	3.010,0	1.200,0	-
I	Đã phân bổ khởi công đầu năm					18.645,0	8.875,0	7.975,0	900,0	3.185,0	925,0	2.260,0	12.060,0	8.900,0	2.260,0	900,0	
1	Đường giao thông từ trung tâm bản Tong Hán đến cụm dân cư Tong Kiêng, xã Chiềng Hắc	Chiềng Hắc	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	2126 28/12/2022	4.025,0	2.075,0	1.800,0	275,0	500,0	150,0	350,0	2.575,0	1.950,0	350,0	275,0	
2	Tuyến đường liên xã Tà Lại - Tân Lập (từ trung tâm xã Tà Lại qua bản Nong Cút, xã Tà Lại đến bản Dọi, xã Tân Lập)	Tân Lập, Tà Lại	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	2118 28/12/2022	7.500	2.960,0	2.875,0	85,0	1.900,0	600,0	1.300,0	4.860,0	3.475,0	1.300,0	85,0	
3	Nhà văn hóa xã Quy Hướng	Quy Hướng	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	2133 28/12/2022	2.820,0	1.390,0	1.300,0	90,0	425,0	175,0	250,0	1.815,0	1.475,0	250,0	90,0	
4	Cầu dân sinh bản Lùn, xã Mường Sang	Mường Sang	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	2138 28/12/2022	2.300,0	1.250,0	1.000,0	250,0	250,0		250,0	1.500,0	1.000,0	250,0	250,0	
5	Cầu bê tông bản Áng, xã Đông Sang	Đông Sang	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	2136 28/12/2022	2.000,0	1.200,0	1.000,0	200,0	110,0		110,0	1.310,0	1.000,0	110,0	200,0	
II	Khởi công mới đợt này					4.100,0	1.900,0	1.600,0	300,0	750,0	-	750,0	2.650,0	1.600,0	750,0	300,0	
1	Nhà văn hóa tiểu khu 30/4, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	2130 28/12/2022	2.000,0	950,0	800,0	150,0	350,0		350,0	1.300,0	800,0	350,0	150,0	
2	Nhà văn hóa bản Bó Hiêng, xã Hua Păng	Hua Păng	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD	2125 28/12/2022	2.100,0	950,0	800,0	150,0	400,0		400,0	1.350,0	800,0	400,0	150,0	htr



CHỦ TỊCH

Trần Dân Khôi

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN (chưa phân bổ chi tiết)
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của HĐND huyện Mộc Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	KHV đã giao				Phân bổ đợt này	Lũy kế vốn sau phân bổ					Ghi chú
							Tổng số	Vốn NSTW		NS tính		Tổng số	NSTW		NS tính	Ngân sách huyện	
								CT MTQG XD NTM	CT PTKTXH VDB DTTS&MN				CT MTQG XD NTM	CT PTKTXH VDB DTTS&MN			
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14		19	20	21	22		23
	TỔNG CỘNG					45.360,0	16.954,0	9.244,0	7.400,0	310,0	37.000,0	25.754,0	9.244,0	7.400,0	310,0	8.800,0	(bao gồm 3.000 triệu đồng đối ứng các Chương trình MTQG phân bổ tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 15/12/2022)
1	PHÂN BỐ CHI TIẾT ĐỢT NÀY					45.360,0	16.954,0	9.244,0	7.400,0	310,0	8.800,0	25.754,0	9.244,0	7.400,0	310,0	8.800,0	
*	Dự án chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện					26.600,0	13.654,0	9.244,0	4.100,0	310,0	4.050,0	17.704,0	9.244,0	4.100,0	310,0	4.050,0	
1	Đường giao thông từ bản Nà Sánh đến bản Sao Tủa xã Tân Hợp	Tân Hợp	2022 2024	Ban QLDA ĐTXD	1381 31/8/2022	10.000,0	5.704,0	2.294,0	3.100,0	310,0	2.000,0	7.704,0	2.294,0	3.100,0	310,0	2.000,0	
2	Nhà văn hóa xã Tân Hợp	Tân Hợp	2022 2024	Ban QLDA ĐTXD	1383 31/8/2022	2.600,0	1.500,0	1.500,0			200,0	1.700,0	1.500,0	-	-	200,0	
3	Nhà văn hóa bản Nà Mường, xã Tân Hợp	Tân Hợp	2022 2024	Ban QLDA ĐTXD	1370 31/8/2022	1.500,0	800,0	800,0			250,0	1.050,0	800,0	-	-	250,0	
4	Nhà hiệu bộ trường PTDT BT TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	2022 2024	Ban QLDA ĐTXD	1205 26/4/2018	1.500,0	950,0	950,0			200,0	1.150,0	950,0	-	-	200,0	
5	Đường giao thông liên bản Tháng 5 - Nong Cút, xã Tà Lại	Tà Lại	2022 2024	Ban QLDA ĐTXD	1371 31/8/2022	2.000,0	900,0	400,0	500,0		500,0	1.400,0	400,0	500,0	-	500,0	
6	Đường giao thông nội bản TĐC Suối Tồn, xã Tà Lại	Tà Lại	2022 2024	Ban QLDA ĐTXD	1384 31/8/2022	3.000,0	1.600,0	1.600,0			100,0	1.700,0	1.600,0	-	-	100,0	
7	Đường giao thông bản Phách - Bản Trọng, xã Chiềng Khừa	Chiềng khừa	2022 2024	Ban QLDA ĐTXD	1380 31/8/2022	6.000,0	2.200,0	1.700,0	500,0		800,0	3.000,0	1.700,0	500,0	-	800,0	th

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KHV đã giao				Phân bổ đợt này	Lũy kế vốn sau phân bổ					Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Vốn NSTW		NS tính		Tổng số	NSTW		NS tính	Ngân sách huyện	
								CT MTQG XD NTM	CT PTKTXH VDB DTTS&MN				CT MTQG XD NTM	CT PTKTXH VDB DTTS&MN			
*	Khởi công mới năm 2023					18.760,0	3.300,0	-	3.300,0	-	4.750,0	8.050,0	-	3.300,0	-	4.750,0	
1	Đường giao thông liên bản Ông Lý-Xa Lú, xã Chiềng Khừa	Chiềng khừa	2023 2025	Ban QLDA ĐTXD	2005 15/12/2022	5.500,0	1.200,0		1.200,0		1.450,0	2.650,0	-	1.200,0	-	1.450,0	
2	Đường giao thông từ bản Nà Cạn, xã Tả Lại - bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	Tả Lại	2023 2025	Ban QLDA ĐTXD	2004 15/12/2022	10.660,0	2.100,0		2.100,0		2.650,0	4.750,0	-	2.100,0	-	2.650,0	
3	Làm đường giao thông nông thôn nội bản Cang, xã Chiềng Khừa	Chiềng Khừa	2023 2025	UBND xã	2141 28/12/2022	500,0	-				150,0	150,0	-	-	-	150,0	
4	Nhà văn hóa bản Sao Tua, xã Tân Hợp	Tân Hợp	2023 2025	Ban QLDA ĐTXD	2119 28/12/2022	2.100,0	-				500,0	500,0	-	-	-	500,0	
II	SỐ CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT										28.200,0						



CHỦ TỊCH

Trần Dân Khôi